

Bản án số: 51/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 19 - 7 - 2023

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NA HANG, TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Anh Thành.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Nhâm;

2. Ông Lương Huy Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Phúc – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang tham gia phiên tòa: Bà Hà Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2023/TLST-HNGĐ, ngày 03/4/2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19/5/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2023/QĐST-HNGĐ ngày 29/6/2023, giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Hoàng Thị N**, sinh năm 1995;

Địa chỉ: Thôn N Kh, xã N Kh huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang.

Có đơn xin xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh **Phí Thành Đ**, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Tổ dân phố x, thị trấn M A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái.

Vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện chị Hoàng Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phí Thành Đ quen biết nhau do cùng đi làm ở Miền Nam, tự do tìm hiểu, tự nguyện đi đến hôn nhân, ngày 13/02/2017 đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã N Kh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Sau khi kết hôn anh chị cùng chung sống với nhau ở miền nam rồi cùng ra miền bắc làm, có lúc thì làm ở tỉnh Bắc Ninh, có lúc thì ở thành phố Hà Nội. Đến năm 2019 thì mâu thuẫn nguyên nhân do anh Đ gia trưởng, đánh chị. Từ năm 2020 chị

và anh Đ sống ly thân đến nay. Chị đưa con về nhà mẹ đẻ sinh sống Chị xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng chị xin ly hôn anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 01 con chung là cháu Phí Thị Kim Ng, sinh ngày 01/10/2016. Ly hôn chị có nguyện vọng trực tiếp nuôi con, không đề nghị anh Đ phải cấp dưỡng.

Về tài sản chung: Anh chị không có.

Về nợ chung: Anh chị không có.

Về án phí: Chị xin chịu án phí.

Anh Phí Thành Đ không đến Tòa án để hòa giải, không có ý kiến gửi cho Tòa án về việc chị N khởi kiện.

Tòa án tiến hành xác minh với Trưởng thôn N Kh, xã N Kh - bà Lương Thị Linh cho biết: Anh Phí Thành Đ và chị Hoàng Thị N đã từ lâu không ở với nhau. Anh Đ, chị N có 01 con chung đang ở cùng chị N. Cháu ở cùng chị N được đi học đúng độ tuổi. Bà biết anh Đ thi thoảng có gửi quà, gửi tiền về cho con. Về tài sản chung, vay nợ chung anh Đ, chị N có như thế nào bà không biết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán thực hiện đúng quy định của Điều 28, 48 Bộ luật Tố tụng Dân sự (BLTTDS), xác định đúng quan hệ tranh chấp, tư cách của người tham gia tố tụng; tiến hành tổng đạt các văn bản cho đương sự, gửi cho Viện kiểm sát đúng thời hạn quy định. Nguyên đơn chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn không chấp hành quyền và nghĩa vụ theo quy định của Điều 70, 72 BLTTDS. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký thực hiện đúng trình tự, thủ tục được quy định tại chương XIV của BLTTDS.

Về hướng giải quyết vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 28 của BLTTDS; căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị N. Tuyên xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phí Thành Đ.

Về con chung: Căn cứ Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình, giao con chung là cháu Phí Thị Kim Ng cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

Về tài sản và nợ chung: Chị N xác định không có tài sản chung và nợ chung.

Về án phí và quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 147, 271, 273 của BLTTDS và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí ly hôn. Tuyên quyền kháng cáo cho các đương sự.

Chị Hoàng Thị N đã nộp các tài liệu: Trích lục kết hôn; Bản sao căn cước công dân, Bản sao giấy khai sinh của con, bản sao sổ hộ khẩu, giấy xác nhận lựa chọn Tòa án. Anh Phí Thành Đ nộp: Bản phô tô căn cước công dân.

Tòa án xác minh với Trưởng thôn N Kh, xã N Kh; Thu thập Giấy xác nhận cư trú của anh Đ.

Chị Hoàng Thị N và anh Phí Thành Đ không thống nhất được với nhau về việc ly hôn do anh Đ không đến Tòa án để hòa giải, không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang nhận định:

[1] Anh Phí Thành Đ cư trú tại Địa chỉ: Tổ dân phố , thị trấn M A, huyện Văn Yên, tỉnh Yên Bái. Chị Hoàng Thị N khởi kiện ly hôn và tranh chấp nuôi con chung. Anh Đ có văn bản thỏa thuận lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là Tòa án giải quyết vụ án. Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang theo quy định của các Điều 28, 35 và Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[2] Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Tòa án nhân dân huyện Na Hang đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Đ không đến Tòa án theo thời gian của thông báo nên không hòa giải được.

Tòa án ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tổng đạt hợp lệ cho các đương sự. Đến ngày, giờ theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Đ vắng mặt nên Tòa án ra Quyết định hoãn phiên tòa. Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự. Chị N có đơn xin xử vắng mặt. Anh Đ vắng mặt lần thứ 2. Căn cứ Điều 207, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vụ án.

[3] Chị Hoàng Thị N và anh Phí Thành Đ kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã N Kh, huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang là hôn nhân hợp pháp. Thông qua lời khai của đương sự; kết quả xác minh với Trưởng thôn, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị Hoàng Thị N và anh Phí Thành Đ đã trầm trọng, mâu thuẫn đã diễn ra trong một thời gian dài, cuộc sống chung đã không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình xử cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phí Thành Đ.

[4] Quá trình chung sống chị N và anh Đ có 01 con chung là cháu Phí Thị Kim Ng, sinh ngày 01/10/2016. Chị N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con, không đề nghị anh Đ cấp dưỡng. Xét thấy cháu Ng là cháu gái, đã ở cùng chị N đã lâu nên căn cứ các Điều 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình giao cháu Ng cho chị

N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung; có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc con chung sau ly hôn.

[5] Chị Hoàng Thị N trình bày vợ chồng chị không có tài sản chung và vay nợ chung nên Hội đồng xét xử không phải xem xét giải quyết.

[6] Chị Hoàng Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/1016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7] Chị Hoàng Thị N và anh Phí Thành Đ được quyền kháng cáo bản án theo quy định của Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 147, 207, 228, 235, 238, 266, 271, và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con của chị Hoàng Thị N.

1. Về hôn nhân: Cho chị Hoàng Thị N được ly hôn anh Phí Thành Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Phí Thị Kim Ng, sinh ngày 01/10/2016 cho chị Hoàng Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh Phí Thành Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Hoàng Thị N phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch. Trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị N đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005064 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Na Hang, tỉnh Tuyên Quang. Chị N đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Hoàng Thị N, anh Phí Thành Đ được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

Nơi nhận:

- VKSND huyện Na Hang;
- VKSND tỉnh Tuyên Quang;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- UBND xã N Kh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Anh Thành